

IRREGULAR VERBS 16-30

Click to the number to listen then write down verbs

TT	Infinitive	Past	PastParticiple	Meaning
16				làm
17				vẽ
18				uống
19				lái xe
20				ăn
21				rơi, té, ngã
22				cho ăn, nuôi
23				cảm thấy
24				chiến đấu
25				tìm thấy
26				bay
27				quên
28				tha thứ
29				đông lại, ướp
30				có được, trở nên